

Số: 73/2026/CV-DWC

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Trụ sở chính: Số 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 02623.852.619

Website : <http://dakwaco.com.vn/>

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Kế toán trưởng.

Email : hangnguyen210990@gmail.com

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định Kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Thông báo mời họp và Tài liệu Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP Cấp nước Đắk Lắk năm 2026.

Tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk vào ngày 01/04/2026 tại đường dẫn: <http://dakwaco.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thị Thúy Hằng

Số: 08/2026/NQ – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

V/v thông qua tổ chức và các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 05/2026/BB-HĐQT ngày 31/03/2026;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thời gian, địa điểm tổ chức:

- Thời gian: Vào 08 giờ 00 phút ngày 23/04/2026.

- Địa điểm: Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk - Trụ sở chính: Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

II. Thông qua các tài liệu trình trong ĐHĐCĐ thường niên 2026:

1. Báo cáo số 64/2026/BC-BTGĐ ngày 31/03/2026 của BTGD về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*);

2. Báo cáo số 65/2026/BC – HĐQT ngày 31/03/2026 của HĐQT về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*);

3. Báo cáo số 66/2026/BC – BKS ngày 31/03/2026 của BKS về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*);

4. Tờ trình số 67/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 (*Tờ trình đính kèm*);

5. Tờ trình số 68/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (*Tờ trình đính kèm*);

6. Tờ trình số 69/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 (Tờ trình đính kèm);
7. Tờ trình số 70/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026. (Tờ trình đính kèm);
8. Báo cáo số 71/2026/BC-HĐQT ngày 31/03/2026 về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2025 (Báo cáo đính kèm).
9. Báo cáo số 72/2026/BC-HĐQT ngày 31/03/2026 về phê duyệt thực hiện việc huỷ tư cách công ty đại chúng (Báo cáo đính kèm).
10. Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 (Văn bản đính kèm).
11. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (Văn bản đính kèm).

Điều 2. Giao Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty ban hành các quyết định theo thẩm quyền và phê duyệt phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các trường hợp theo nội dung như trên.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban liên quan của Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung của Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc



THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (Dakwaco)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty (“**Đại hội**”), thông tin cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 00 ngày 23/4/2026.

2. Địa điểm: Phòng họp tầng 2, số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

3. Nội dung của Đại hội:

- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- Thông qua các tờ trình của Hội đồng Quản trị;
- Thông qua các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ và pháp luật liên quan.

Nội dung chi tiết, kính đề nghị Quý cổ đông xem xét tại Chương trình Đại hội đăng tải tại địa chỉ <http://dakwaco.com.vn/>

4. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Cổ đông có quyền tham dự Đại hội là các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông do Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam xác nhận vào ngày 25/3/2026;
- Những cổ đông cá nhân hoặc Người đại diện theo pháp luật/ Người đại diện quản lý vốn góp của cổ đông tổ chức không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự (theo mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm Thông báo này). Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba;
- Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo những giấy tờ sau để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội:

(1) Thông báo mời họp này;

(2) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của cá nhân (bản gốc);

(3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của tổ chức (bản sao được chứng thực/công chứng hợp lệ);

(4) Giấy ủy quyền (nếu là Người dự họp là Người được cổ đông ủy quyền) (bản gốc).

Trong suốt quá trình tham dự, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định về an toàn, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.

5. Tài liệu gửi kèm Thư mời họp:

- Thư mời họp này có gửi kèm Mẫu Giấy ủy quyền tham dự.

- Các tài liệu khác của Đại hội: Kính đề nghị Quý Cổ đông xem xét/ tải về từ website của Công ty tại địa chỉ: <http://dakwaco.com.vn/> tại mục Quan hệ cổ đông. (Ngoài ra các tài liệu sẽ được in phát tại Đại hội).

6. Đăng ký tham dự đại hội:

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận việc tham dự họp (hoặc ủy quyền dự họp) gửi về Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk qua điện thoại 0914.122.573 hoặc Phongtochucdakwaco@gmail.com trước 17h ngày 14/04/2026.

Thông báo này sẽ được đăng tải trên website Công ty: <http://dakwaco.com.vn/> thay cho Thư mời họp trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự Đại hội nhưng chưa nhận được Thư mời.

Mọi thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Người phụ trách: Ông Lê Thế Hoàn

Điện thoại: 0914.122.573

Email: Phongtochucdakwaco@gmail.com

Trân trọng kính mời.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Đắk Lắk ngày 31 tháng 03 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Hoàng Phúc



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, phường
Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Thời gian: 08 giờ 00 ngày 23/04/2026.
- Địa điểm: 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỦ TRÌ
1.	08h00-08h15	- Đón khách; - Thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp; - Phát tài liệu họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông Ban tổ chức
2.	08h15-08h30	- Khai mạc Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/người dự họp.	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
3.	08h30-08h40	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, chỉ định Thư ký/Ban Thư ký & thông qua thành phần Ban kiểm phiếu; - Thông qua Quy chế Tổ chức và Biểu quyết tại Đại hội.	Ban Tổ chức Chủ tọa Ban kiểm phiếu
4.	08h40-08h45	- Thông qua Chương trình Đại hội.	Đoàn Chủ tịch
5.	08h45-09h00	Báo cáo Ban Tổng Giám Đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026	Bà Hoàng Thị Thu Hà – TGD
6.	09h00-09h20	Báo cáo HĐQT về hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	Ông Nguyễn Công Định (PCT Thường trực HĐQT)
7.	09h20-09h30	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026	Trưởng BKS
8.	09h30-10h15	Các Tờ trình với nội dung sau: - Tờ trình thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2025. - Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025. - Tờ trình thông qua việc chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026. - Báo cáo về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2025. - Báo cáo về thực hiện việc hủy công ty đại chúng. - Các nội dung khác (nếu có).	Thành viên Đoàn Chủ tịch
9.	10h15-10h45	Đại hội thảo luận về nội dung của các Báo cáo và Tờ trình	Đoàn Chủ tịch



Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, phường
Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

		Đại hội	
10.	10h45-11h05	Biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội	Đoàn Chủ tịch Ban kiểm phiếu
11.	11h05-11h20	Công bố kết quả kiểm phiếu. Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026	Ban kiểm phiếu Đoàn Chủ tịch Ban Thư ký
12.	11h20	Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

THẺ BIỂU QUYẾT

TÊN CỔ ĐÔNG:

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG:

SỐ CỔ PHẦN BIỂU QUYẾT:



Số: 64/2026/BC-BTGD

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính thưa: **Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.**

Hôm nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên để tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2025 và đưa ra phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2026.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, Tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Ban Tổng giám đốc trân trọng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2025.

Năm 2025, thời tiết lạnh và mưa, bão kéo dài ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cấp nước nói chung và Công ty nói riêng. Đồng thời cũng là năm bắt đầu thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp nên Công ty cũng gặp một số khó khăn nhất định.

Đồng thời, các tuyến ống cũ trên 20 năm thường xuyên xảy ra sự cố dẫn đến doanh thu sản xuất và kinh doanh nước sạch toàn Công ty trong cả năm 2025 chưa đạt theo kế hoạch giao. Tuy nhiên, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định, vượt kế hoạch ở một số chỉ tiêu chính, thể hiện sự nỗ lực đoàn kết sáng tạo không ngừng của tập thể CBCNV Công ty và nỗ lực chỉ đạo, điều hành đúng đắn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Các chỉ tiêu thực hiện cơ bản năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	352,34	95,45
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,54	97,42
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	20,67	21,65	95,43
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,20	89,78
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.375	106,6
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	58,15	152,9

Lợi nhuận năm 2025 cao hơn so với kế hoạch chủ yếu do tỷ giá USD/VNĐ ít biến động hơn so với năm 2024, đồng thời Công ty cũng đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm giảm chi phí hoạt động nâng cao hiệu quả hoạt động.

1. Công tác dịch vụ khách hàng

Với thời tiết khô hạn đầu năm và nhu cầu xây nhà mới tăng cao đã góp phần đưa chỉ tiêu phát triển khách hàng đăng ký lắp đặt mới trong năm 2025 đạt 106,6% (vượt 6,6%) kế hoạch, tương đương 5.730 khách hàng lắp mới, và tăng hơn 15% so với cùng kỳ năm trước 2024.

Trong năm vừa qua, Công ty tiếp tục rà soát và tiến hành áp dụng đơn giá kinh doanh đối với các khách hàng kinh doanh, dịch vụ, góp phần tăng doanh thu tại Công ty.

2. Công tác sản xuất, quản lý mạng lưới và chất lượng nước

- Công tác sản xuất, quản lý mạng lưới:

Do những khó khăn đã trình bày ở trên nên năm 2025 sản lượng nước sản xuất và nước thương phẩm toàn Công ty không đạt kế hoạch đề ra.

Dự án ADB Cấp nước cho thành phố Buôn Ma Thuột và 03 thị trấn thuộc các huyện Krông Năng, Ea Kar và Buôn Đôn (cũ) đi vào hoạt động từ năm 2020. Sau 05 năm các chi nhánh đã có chuyển biến tích cực trong sản xuất; phát triển khách hàng, doanh thu từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, công suất khai thác tại Ea Kar và Buôn Đôn (cũ) vẫn rất thấp, chỉ đạt từ 5 đến 15% công suất thiết kế. Do đó, về kết quả kinh doanh các chi nhánh này vẫn đang bị lỗ do chi phí vận hành lớn.

Trong năm, Công ty đã triển khai lắp đặt các thiết bị điện tử hiện đại như đồng hồ điện tử, tủ điện biến tần, hệ thống trung hoà clo tại các trạm khai thác nước và đã hoàn thiện trung tâm điều khiển hệ thống cấp nước toàn Công ty, nhằm giúp công tác theo dõi, quản lý hệ thống thuận tiện hơn.

Thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty tiếp tục triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, các thiết bị quan trắc cần thiết cho tất cả các giếng khoan, trạm khai thác nước thuộc Công ty để theo dõi và truyền dữ liệu tự động.

- Về công tác chống thất thoát nước:

Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc, các chi nhánh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt tập trung ưu tiên công tác cải tạo, chống thất thoát. Tuy nhiên, do điều kiện thời tiết không thuận lợi, nhất là trong những tháng cuối năm tình hình thiên tai lũ lụt xảy ra liên tục đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác chống thất thoát nước. Do đó, tỷ lệ nước không doanh thu toàn Công ty cả năm 2025 là 16,93%, cao hơn 1,73% so với kế hoạch giao (15,2%).

- Công tác chất lượng nước:

Trong năm 2025, Công ty đã áp dụng sử dụng Clo viên nén tại một số Chi nhánh nhỏ như Chi nhánh Cư M'gar, Ea Kar, Krông Năng, từng bước tiến hành thay thế và sử dụng các hoá chất đảm bảo an toàn hơn cho hệ thống sản xuất và môi trường xung quang tại các điểm sản xuất.

Nước nguyên liệu: Công ty thường xuyên kiểm tra nước nguyên liệu tại các nhà máy theo QCVN 08:2023/BTNMT (đối với nước mặt) và QCVN 09:2023/BTNMT (đối

với nước dưới đất) của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (nay là Bộ Nông Nghiệp và Môi trường)

Nước thành phẩm: Nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Đăk Lăk cung cấp đến người tiêu dùng đều đạt theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Công tác đồng hồ nước:

Đồng hồ lắp đặt trong đo đếm nước đảm bảo ĐLVN 17:2017 – Quy trình kiểm định đồng hồ đo nước và thực hiện kiểm định định kỳ theo Thông tư 23/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học Công nghệ - Quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2. Công tác đo lường trong Công ty luôn duy trì đảm bảo theo quy định.

3. Công tác đầu tư xây dựng.

Năm 2025, Công ty đã phê duyệt đầu tư tổng dự toán là 29,6 tỷ đồng đối với 110 công trình, bao gồm: cải tạo, đầu tư, phát triển mới mạng lưới cấp nước ở các chi nhánh trực thuộc với hơn 28.700 mét ống cấp nước các loại. Đến hết tháng 12/2025, Xí nghiệp xây lắp đã quyết toán hoàn thành 72 công trình với tổng giá trị quyết toán là 13,85 tỷ đồng. Còn một số công trình đã được phê duyệt nhưng còn gặp khó khăn về giấy phép thi công, giải phóng mặt bằng và thời tiết xấu được chuyển tiếp thực hiện sang năm 2026.

Trong năm 2025, Công ty ưu tiên triển khai các công trình sửa chữa, cải tạo nhằm cải thiện công tác chống thất thoát và đảm bảo nhu cầu nước ngày càng tăng của người dân tại các khu dân cư và tuyến ống cũ.

Công ty cũng đang từng bước tiến đến tự động hoá trong công tác sản xuất nước, đầu tư phòng điều khiển trung tâm, phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước GIS, phần mềm theo dõi sản xuất nước SCADA, hệ thống tủ điện biến tần và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác tự động hoá....

Cùng với việc thay đổi hoá chất khử trùng nước là Clo viên nén, Công ty đã đầu tư một số tháp trung hoà Clo tại các điểm xử lý nước như: Trạm xử lý Ea Na, bể Hoà Thăng, bể Cu Pul, bể Đạt Lý nhằm đảm bảo công tác sản xuất được hiện đại, an toàn hơn.

4. Công tác sản xuất, kinh doanh nước đóng chai.

Từ tháng 4/2024, sau khi Nhà xưởng đã hoàn thiện và có sản phẩm thương mại, Công ty đã áp dụng nhiều cách tiếp cận khách hàng khác nhau để dần đưa sản phẩm ra thị trường như tài trợ cho các chương trình tiếp sức mùa thi, mở gian hàng tại Lễ Hội Cà Phê, Hội chợ Tết, tăng cường quảng bá trên các phương tiện truyền thông....

Đến tháng 9/2025, Công ty thực hiện triển khai giao các Phòng, ban và Chi nhánh tích cực triển khai bán sản phẩm nước đóng chai – đóng bình đến trực tiếp người tiêu dùng đã mang lại hiệu quả, tăng doanh thu đáng kể.

5. Công tác tài chính.

Trong năm 2025, Công ty đã chi trả nợ gốc và lãi vay vốn ADB của dự án cấp nước thành phố Buôn Ma Thuột và 03 huyện Ea Kar – Krông Năng – Buôn Đôn với số tiền 50,96 tỷ đồng.

Ngoài nguồn vốn tự có từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã thực hiện vay vốn tại Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn ngắn hạn cần thiết.

6. Công tác nhân sự.

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2025 là 318 người, trong đó: có 63 lao động nữ; lao động có trình độ đại học và trên đại học là 107 người, chiếm 33,65%; trình độ cao đẳng, trung cấp là 73 người, chiếm 22,95 %; công nhân kỹ thuật 138 người, chiếm 43,4%.

Về tình hình đời sống, việc làm và phúc lợi cho người lao động:

- Mức thu nhập bình quân: 11.841.757 đồng/người/tháng.

- Trong năm đã tổ chức cho CBCNV khám sức khỏe định kỳ với tổng kinh phí là 135.706.000 đồng.

- Thực hiện chế độ Bảo hiểm đối với người lao động: Công ty đã thực hiện nộp đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với tổng số tiền trên 8 tỷ đồng.

- Năm 2025 đã trang bị Bảo hộ lao động với tổng số tiền là 109.780.000 đồng.

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên báo cáo tài chính năm 2025.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH 2026/ TH 2025
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	358,40	106,57
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,33	101,81
3	Nước thương phẩm	Triệu m ³	20,67	21,51	104,06
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,08	112,27
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.782	100,91
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	67,60	76,03

Ghi chú: Xây dựng kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2026 thấp hơn năm 2025 là vì theo dự báo trong năm 2026 các chi phí đầu vào đều tăng.

2. Phương án sản xuất kinh doanh.

2.1. Công tác dịch vụ khách hàng.

Trong năm 2026, chủ trương tiếp tục vận động khách hàng sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tiến tới đạt 98% khách hàng của toàn Công ty thanh toán không tiền mặt, còn lại khoảng 2% khách hàng tại các vùng ven sẽ tiếp tục vận động thay đổi ý thức và thói quen của khách hàng.

Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, đặc biệt tại các khu dân cư có sẵn mật độ xây dựng cao, có nhu cầu sử dụng nước thực tế. Đồng thời, tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước máy sinh hoạt thay vì nguồn nước giếng để đảm bảo sức khỏe gia đình.

Thường xuyên rà soát, cập nhật Khách hàng sử dụng nước hai mục đích và thông tin khách hàng trong trường hợp có thay đổi để đảm bảo tính pháp lý.

2.2. Công tác sản xuất, quản lý mạng lưới và chất lượng nước.

Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch đối với các máy móc thiết bị, kiểm tra các tuyến ống nước thô, tuyến ống truyền tải đảm bảo vận hành an toàn.

Tăng cường công tác chống thất thoát, thực hiện đồng bộ các giải pháp để đạt mục tiêu đạt được trong năm 2026 là 15,08% toàn Công ty. Các đơn vị thành lập Tổ chống thất thoát chủ động trong công tác nghiên cứu, hỏi hỏi các giải pháp hiệu quả trong công tác chống thất thoát.

Hoàn thiện, đưa vào vận hành các công trình tăng áp, điều phối nước để đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người dân, ứng phó các tình huống thiếu hụt nguồn cung cấp nước do thời tiết hoặc xảy ra sự cố.

Nghiên cứu, thực hiện các giải pháp phù hợp để công tác sản xuất khai thác đảm bảo liên tục nhưng tiết kiệm điện và các nhiên liệu, hoá chất khác, nhằm giảm tỷ lệ tiêu thụ điện, tỷ lệ tiêu hao nguyên vật liệu.

Áp dụng phần mềm theo dõi lưu lượng và áp lực trong công tác quản lý mạng lưới - chống thất thoát nước. Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống GIS mang lại, từng bước đồng bộ dữ liệu cho toàn Công ty.

Tăng cường kiểm soát chất lượng nước tại các nhà máy sản xuất và mạng lưới phân phối, đảm bảo chất lượng nước cấp cho khách hàng đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

2.3. Công tác đầu tư xây dựng.

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 của Công ty dự kiến khoảng 93,8 tỷ đồng, chia làm nhiều giai đoạn đầu tư, ưu tiên các công trình phục vụ công tác chống thất thoát: cải tạo, thay thế các tuyến ống Gang cũ đã sử dụng trên 20 năm trong khu vực trung tâm và mở mới theo nhu cầu đề xuất của người dân.

Đẩy mạnh áp dụng công nghệ vào công tác quản lý và vận hành sản xuất, tiếp tục đầu tư hệ thống quan trắc chất lượng nước ngầm, nước mặt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ hiện hành.

2.4. Công tác tài chính.

Tiếp tục thực hiện phương án vay vốn từ các ngân hàng thương mại, đảm bảo nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sử dụng trong năm 2026. Đồng thời nghiên cứu phương án tái cơ cấu món vay ADB để không bị ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá USD/VND và lãi suất Libor thả nổi.

2.5. Công tác nhân sự.

Duy trì nhân sự phù hợp cho hoạt động SXKD, sử dụng lao động theo chuyên môn việc làm bảo đảm năng lực, chất lượng và hiệu quả công việc.

Đảm bảo thu nhập bình quân phù hợp, chế độ bảo hiểm và các chế độ khác cho người lao động, tạo cơ hội thăng tiến, khuyến khích động viên người lao động, theo dõi sức khỏe bằng cách tổ chức khám bệnh định kỳ. Bên cạnh đó, cùng công đoàn Công ty hỗ trợ tài chính cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Mục tiêu năm 2026 tiếp tục tiến đến ổn định cơ cấu và nhân sự của toàn Công ty,

tạo sự tin tưởng, gắn bó của người lao động, Ban Tổng Giám đốc cùng người lao động cùng nỗ lực, sáng tạo và đóng góp vào sự phát triển lâu dài của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hàng Thị Thu Hà
Hàng Thị Thu Hà



Số: 65/2026/BC – HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk, tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tháng 04 năm 2026, Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Hội đồng quản trị ghi nhận công tác chỉ đạo năng động, sáng tạo trong điều hành của Ban Tổng giám đốc, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của toàn thể Cán bộ, công nhân viên, người lao động, đặc biệt là sự hỗ trợ của các cơ quan chính quyền địa phương. Từ những nguyên nhân trên, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

I. Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025.

1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị công ty hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty.

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành 25 Nghị quyết, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	01/2025/NQ-HĐQT	08/01/2025	NQ vv thông qua Báo cáo về kết quả đánh giá xếp loại phòng ban, chi nhánh trong hoạt động SXKD năm 2024 và phê duyệt thưởng cho tập thể và cá nhân năm 2024	100%
2	02/2025/NQ-	15/1/2025	NQ vv phê duyệt phương án nhân sự và mức	100%



	HĐQT		thưởng Tết Nguyên đán Ất Ty 2025	
3	03/2025/NQ-HĐQT	15/1/2025	NQ vv thông qua kết quả SXKD năm 2025 và giao chỉ tiêu thực hiện cho các chi nhánh trực thuộc	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	17/2/2025	NQ vv thông qua phương án tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	19/2/2025	NQ vv thông qua miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	19/2/2025	NQ vv thông qua bổ nhiệm mới chức vụ Tổng giám đốc Công ty	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	7/3/2025	NQ vv thông qua kiến nghị xử lý sai phạm của Đoàn Thanh tra đối với công trình cấp nước huyện Ea Kar, Krông Năng, Buôn Đôn gói thầu DLCWW-05	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	17/3/2025	NQ về việc thông qua các nội dung tài liệu tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
9	09/2025/NQ-HĐQT	14/4/2025	NQ vv thông qua mức tiền lương cho từng thành viên HĐQT năm 2025	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT	22/4/2025	NQ vv ban hành Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty	100%
11	11/2025/NQ-HĐQT	7/5/2025	NQ vv thông qua quy chế Lương khoán và Thưởng	100%
12	12/2025/NQ-HĐQT	26/5/2025	NQ vv thông qua nội dung báo cáo và kiến nghị của Đoàn Thanh tra trong việc xây dựng công trình Trạm xử lý nước 35.000m ³ /ng.đ, tuyến ống truyền tải nước sạch về Trạm bơm tăng áp thuộc gói thầu DLCW-02	100%
13	13/2025/NQ-HĐQT	26/5/2025	NQ vv thông qua nội dung báo cáo và kiến nghị của Đoàn Thanh tra trong việc xây dựng công trình Trạm bơm tăng áp, tuyến ống truyền tải	100%



			nước sạch đến mạng lưới thuộc gói thầu DLCW-03	
14	14/2025/NQ-HĐQT	27/5/2025	NQ vv phê duyệt kết quả SXKD quý I/2025 và kế hoạch SXKD quý II/2025	100%
15	15/2025/NQ-HĐQT	2/6/2025	NQ vv thông qua nội dung báo cáo và kiến nghị của Đoàn Thanh tra trong việc xây dựng công trình thu nước thô và tuyển ống truyền tải nước thô 35.000m ³ /ng.đ, thuộc gói thầu DLCW-01	100%
16	16/2025/NQ-HĐQT	24/6/2025	NQ vv thông qua nội dung báo cáo và kiến nghị của Đoàn Thanh tra trong việc xây dựng công trình thuộc gói thầu DLCW-04, DLCW-06, DLCW-07	100%
17	17/2025/NQ-HĐQT	25/6/2025	NQ vv thông qua Quy chế Tổ chức & Hoạt động của Công ty và phương án sáp nhập các đơn vị trực thuộc	100%
18	18/2025/NQ-HĐQT	17/7/2025	NQ V/v thông qua một số nội dung liên quan đến công tác hành chính, hoạt động Sản xuất kinh doanh và mức khen thưởng cho tập thể, cá nhân 6 tháng đầu năm 2025	100%
19	19/2025/NQ-HĐQT	16/10/2025	NQ Về việc thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (vv chia cổ tức)	100%
20	20/2025/NQ-HĐQT	1/11/2025	NQ Về việc thông qua việc chi hỗ trợ, tri ân đối với ông Nguyễn Khắc Dân – Thành viên HĐQT khi nghỉ hưu	100%
21	21/2025/NQ-HĐQT	17/11/2025	NQ Về việc triển khai thực hiện chia cổ tức bằng tiền đối với Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024.	100%
22	22/2025/NQ-HĐQT	25/11/2025	NQ Về việc phê duyệt triển khai thực hiện Dịch vụ pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong tranh chấp hợp đồng với Công ty	100%



			TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuật	
23	23/2025/NQ-HĐQT	30/10/2025	NQ V/v phê duyệt Kết quả sản xuất kinh doanh Quý III/2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2025	100%
24	24/2025/NQ-HĐQT	29/11/2025	NQ Về việc thông qua phương án lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2028	100%
25	25/2025/NQ-HĐQT	25/12/2025	NQ Về việc thông qua danh sách ứng cử viên và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2028	100%

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc các công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược về nhân sự...theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị duy trì họp theo quy định mỗi quý ít nhất họp một lần để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với cùng sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức họp đột xuất khi có nhiệm vụ phát sinh trong chỉ đạo điều hành, trong đó đã kịp thời tổ chức họp để thống nhất chủ trương ban hành Nghị quyết về phê duyệt triển khai thực hiện Dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong tranh chấp hợp đồng với Công ty TNHH Cấp nước Buôn Ma Thuật; chỉ đạo xử lý vụ Cty cổ phần ViNaFor Tây Nguyên, Công ty BLB ... không thanh toán tiền sử dụng nước của Công ty.

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên, tăng cường vai trò tham mưu của Cán bộ quản lý. Các Thành viên Hội đồng quản trị đã có nhiều cố gắng để hoàn thành chức trách nhiệm vụ của mình, luôn hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty và Người lao động.

2. Tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025.



Năm 2025, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị và sự đóng góp tích cực của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đạt được một số kết quả nhất định.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cơ bản năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	352,34	95,45
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,54	97,42
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	20,67	21,65	95,43
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,20	1,73
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.375	106,6
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	58,15	152,9

Lợi nhuận năm 2025 cao hơn so với kế hoạch là do nhiều nguyên nhân, trong đó một số nguyên nhân chính là do tỷ giá USD/VNĐ ít biến động và Công ty thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các Chi nhánh trực thuộc Công ty: Mặc dù một số chỉ tiêu chưa đạt so với Kế hoạch giao đầu năm 2025, nhưng tại các chi nhánh: Buôn Ma Thuật, Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư M'gar, và Ea Súp vẫn đạt kết quả kinh doanh khá tốt và đều có lợi nhuận. Riêng 3 chi nhánh: Ea Kar, Buôn Đôn và Krông Năng - thuộc dự án cấp nước được tài trợ từ nguồn vốn vay ADB đã có nhiều cải thiện tích cực về sản lượng nước tiêu thụ, tuy nhiên do chi phí khấu hao và lãi vay còn rất cao, người dân vẫn chưa quen sử dụng hệ thống cấp nước tập trung nên hoạt động kinh doanh chưa có lợi nhuận và còn phải bù lỗ. Chi nhánh Sản xuất và kinh doanh nước đóng chai đã hoạt động từ tháng 4/2024, đây là lĩnh vực mới hoạt động và thị trường có sự cạnh tranh lớn, do đó còn nhiều khó khăn thách thức và chưa đem lại hiệu quả.

3. Chi trả thù lao, tiền thưởng cho thành viên HĐQT, BKS



Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS. Trong năm 2025, thực hiện chi trả thực tế tổng thù lao HĐQT và BKS cụ thể như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch thù lao năm 2025	Tổng thù lao thực hiện năm 2025
01	Hội đồng quản trị	2.000.000.000	1.878.381.407
02	Ban kiểm soát	200.000.000	46.833.333

(Tổng thù lao và thưởng của thành viên HĐQT, thành viên BKS được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Qua đó cho thấy, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều cố gắng, thực hiện các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, nội bộ đoàn kết. Các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị được Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ và đều có báo cáo kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

Với các giải pháp điều hành quyết liệt, linh hoạt, kịp thời khắc phục những khó khăn của Ban Tổng Giám đốc; sự đồng lòng của cán bộ, công nhân viên, người lao động, Công ty đã thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua.

5. Kết quả giám sát đối với Trưởng - Phó các Phòng ban, Chi nhánh:

Hội đồng quản trị luôn song hành cùng Ban Tổng giám đốc và Trưởng – Phó các bộ phận trong từng hoạt động, đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên làm việc với Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác, định kỳ họp giao ban bình quân 01 lần/tháng. Các thành viên của Hội đồng quản trị thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, tài chính, kinh doanh, giảm thiểu các chi phí vận hành để đảm bảo nguồn tài chính của công ty... Vì vậy, Công ty đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông năm 2025 đề ra.

6. Đối với các giao dịch giữa công ty và người liên quan của Công ty:



Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2024 ngày 24/04/2024 về phê duyệt chấp thuận chủ trương giao kết hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan. Hội Đồng Quản Trị kính báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan trong năm 2025 cụ thể như sau:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Số Nghị quyết HĐQT thông qua	Nội dung giao dịch	Giá trị thực hiện trong năm 2025
1	- Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương - Địa chỉ: Số 154 Trần Hưng Đạo, Phố Bình Chương, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam - MST: 2700281328	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng thuê xe ô tô biển số 35C-05799 để phục vụ sản xuất kinh doanh	240.000.000
			Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	93.963.000
2	- Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu - Địa chỉ: TDP Kim 3, Phường Phương Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam - MST: 2400797168	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng về việc mua bán các sản phẩm ngô ngọt để làm quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán 2025 cho CB-CNV	289.520.000
			Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	138.496.000
3	- Công ty CP Cà phê Thăng Lợi - Km 17 Quốc lộ 26, Xã Ea Knuéc, Tỉnh Đắk Lắk - MST: 6000182456	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	13.353.236

Ghi chú: Giá trị trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).



Ngoài ra trong năm 2025 công ty không có phát sinh giao dịch nào khác giữa công ty với người có liên quan theo quy định Pháp luật.

II. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026.

Hội đồng quản trị cam kết hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông. Trên cơ sở các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH 2026/ TH 2025
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	358,40	106,57
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,33	101,81
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	20,67	21,51	104,06
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,08	(1,85)
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.782	100,91
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	67,60	76,03

2. Giải pháp thực hiện.

HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh khai thác để phát huy hiệu quả của các dự án, công trình cấp nước, điều phối nước; đẩy nhanh tiến độ khôi phục khách hàng cũ, chuyển dịch tỷ lệ sử dụng nước sạch của các nhà hàng, khách sạn chiếm tỷ trọng lớn hơn.

Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và lắp đặt hệ thống cung cấp nước sạch, dự kiến xin phép duy trì công suất khai thác các nguồn hiện hữu, đồng thời, đầu tư xây dựng thêm nhà máy tại một số chi nhánh, đảm bảo tầm xa 10-15 năm và bám sát quy hoạch, định hướng phát triển đô thị của địa phương.

Giao Ban Tổng giám đốc xây dựng các phương án chống thất thoát hiệu quả. Thực hiện cải tạo, nâng cấp và thay mới mạng lưới nước đã xuống cấp, hư hỏng.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, năm 2026 thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website: <https://Dakwaco.com.vn>

để kịp thời phối hợp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Ban TGD;
- Website Công ty;
- Lưu: VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hoàng Phúc



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website:
<https://Dakwaco.com.vn>

Số: 66/2026/BC – BKS

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước Đắk Lắk và các quy định liên quan;

Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025;

Hôm nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thay mặt Ban Kiểm soát, Tôi xin gửi đến tất cả Quý vị cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Theo chương trình kiểm soát năm 2025, Ban kiểm soát (“BKS”) Công ty cổ phần cấp nước Đắk Lắk (“DWC”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của BKS trong năm 2025, định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức:

Tháng 04/2024, Ban kiểm soát DWC được bầu lại nhiệm kỳ mới 2024-2028. Trong năm 2025, thành viên BKS không có sự thay đổi về nhân sự. Tại thời điểm 31/12/2025, Ban kiểm soát DWC nhiệm kỳ 2024 – 2028 gồm 03 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn
1	Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng BKS	Cử nhân Luật Quốc Tế
2	Bà Hà Thị Thu Huyền	TV BKS	Cử nhân Quản trị kinh doanh
3	Ông Lê Bản Khánh	TV BKS	Kỹ sư Cấp thoát nước

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật. Ban kiểm soát đã tổ chức họp 02 phiên họp để triển khai công việc, thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm



quyền hạn của BKS và kiểm tra giám sát tuân thủ việc triển khai Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025, các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành theo các quy định quản trị doanh nghiệp và điều lệ công ty. Tỷ lệ tham dự họp đạt 100%, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Lê Đặng Uyên Đan	02/02	100%	100%
2	Bà Hà Thị Thu Huyền	02/02	100%	100%
3	Ông Lê Bản Khánh	02/02	100%	100%

2. Thù lao, tiền thưởng của BKS năm 2025

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với BKS năm 2025. Trong năm 2025 thực hiện chi trả tổng thù lao và thưởng của BKS như sau:

- BKS: 46.833.333 đồng/năm.

(Tổng thù lao và thưởng của BKS được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BKS NĂM 2025:

1. Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính

a. Giám sát việc thực hiện mục tiêu tài chính theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ

BKS theo dõi việc thực hiện mục tiêu tài chính theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT nhằm thường xuyên nắm bắt, cập nhật thông tin tình hình triển khai hoạt động kinh doanh của công ty từ đó đưa ra những khuyến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo an toàn.

Năm 2025, dưới sự quản trị của HĐQT, BTGD, DWC cũng đã đạt được một số kết quả nhất định, vượt ngoài kế hoạch ở một số chỉ tiêu, thể hiện sự nỗ lực đoàn kết sáng tạo không ngừng của tập thể CBCNV Công ty và nỗ lực chỉ đạo, điều hành đúng đắn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cụ thể:



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	352,34	95,45
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,54	97,42
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	20,67	21,65	95,43
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,20	89,78
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.375	106,6
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	58,15	152,9

b. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC**; Báo cáo tài chính được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tính đến thời điểm 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu cơ bản theo Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025
1	Tổng doanh thu	340.520.791.055
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.906.058.355
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79.039.679.626
4	Tài sản ngắn hạn	364.899.862.741
5	Tài sản dài hạn	498.919.447.907
6	Nợ phải trả	453.614.264.090
7	Vốn chủ sở hữu	410.205.046.558

2. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành đối với HĐQT, BTGD và người điều hành khác

Công tác giám sát của BKS đối với HĐQT, BTGD, người điều hành khác của Công ty được BKS triển khai thường xuyên trên cơ sở quy định pháp luật, Điều lệ công ty:

2.1. Về hoạt động quản trị, điều hành của Hội Đồng Quản Trị:



- Các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức theo đúng quy định (Đối với cuộc họp HĐQT đảm bảo tối thiểu họp 01 lần/Quý, tổng cộng HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp trong năm 2025). HĐQT đã theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các cuộc họp HĐQT để xem xét những kết quả đã đạt được, đánh giá và đưa ra phương hướng giải quyết đối với các công việc vẫn đề còn tồn tại. Đồng thời, các Nghị quyết được ban hành trên cơ sở tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty và các Cổ đông.

- Về công tác sản xuất kinh doanh, HĐQT họp thường xuyên để ban hành các Nghị quyết nhằm triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2025 phê duyệt.

- Các phiên họp HĐQT mời BKS tham dự được tổ chức đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

- HĐQT đã phân công nhân sự phụ trách các công tác công bố thông tin, tham mưu giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật doanh nghiệp, pháp luật chứng khoán.

2.2. Về kết quả hoạt động của Ban điều hành:

Dưới sự chỉ đạo phân công nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai các công việc cụ thể liên quan phương án sản xuất kinh doanh. Ban điều hành định kỳ hằng tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả và phê duyệt kế hoạch công việc của các phòng ban, nhằm đưa ra các chỉ đạo kịp thời.

2.3. Về công tác nhân sự và kiện toàn mô hình tổ chức:

HĐQT cũng phê duyệt ban hành các Nghị quyết về phương án nhân sự tại Công ty đảm bảo đúng thẩm quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm nhân sự theo quy định Điều lệ Công ty và nhân sự được phân công đảm bảo đủ năng lực quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Giám sát thông qua và thực hiện các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ, HĐQT

Trong năm 2025, BKS đã rà soát các hợp đồng giao dịch giữa công ty và người có liên quan của công ty. Kết quả rà soát cho thấy đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật, đúng phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2024 số ngày 24/04/2024, Nghị quyết số 18a/2022/NQ - HĐQT và Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị về phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan. Trong năm 2025, kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan năm 2025 cụ thể như sau:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website:
<https://Dakwaco.com.vn>

STT	Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Số Nghị quyết HĐQT thông qua	Nội dung giao dịch	Giá trị thực hiện trong năm 2025
1	- Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương - Địa chỉ: Số 154 Trần Hưng Đạo, Phố Bình Chương, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam - MST: 2700281328	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng thuê xe ô tô biển số 35C-05799 để phục vụ sản xuất kinh doanh	240.000.000
			Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	93.963.000
2	- Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu - Địa chỉ: Địa chỉ: TDP Kim 3, Phường Phương Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam - MST: 2400797168	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng về việc mua bán các sản phẩm ngô ngọt để làm quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán 2025 cho CB-CNV	289.520.000
			Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	138.496.000
3	- Công ty CP Cà phê Thăng Lợi - Km 17 Quốc lộ 26, Xã Ea Knuéc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam - MST: 6000182456	01/2025/NQ-ĐHĐCĐ	Bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	13.353.236

Ghi chú: Giá trị trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Ngoài ra trong năm 2025 công ty không có phát sinh giao dịch nào khác giữa công ty với người có liên quan theo quy định Pháp luật.

III. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BTGD VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

- BKS phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) và các nghị quyết HĐQT.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website:
<https://Dakwaco.com.vn>

- BKS đã nhận được đầy đủ các thông tin, nội dung cuộc họp cũng như nghị quyết của HĐQT, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

- Kiểm soát viên tham dự các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- BKS duy trì độc lập trong hoạt động kiểm tra giám sát của mình. Trong năm, BKS cũng chưa nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT, BKS, BTGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong việc thực hiện triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết HĐQT theo đúng quy định.

- Phân giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong Ban để công tác kiểm tra, giám sát đạt kết quả tốt nhất.

- Tham dự các cuộc họp HĐQT để thảo luận và nắm bắt đầy đủ về các vấn đề liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty.

V. KIẾN NGHỊ

Qua công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2025, BKS có kết luận như sau:

1. Về tình hình tài chính công ty:

- Năm 2025, Công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Về lợi nhuận doanh nghiệp đã vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt được kết quả tốt.

Tuy nhiên năm 2025 đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm tiếp tục đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2025 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website:
<https://Dakwaco.com.vn>

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.030.199.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.429.121.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

Vì vậy, tiếp tục dẫn đến 06 năm liên tiếp Báo cáo tài chính công ty đã bị đơn vị kiểm toán đưa ra ý kiến ngoại trừ. Theo quy định tại Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 205/QĐ-SGDHN ngày 27/03/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc duy trì diện cảnh báo đối với cổ phiếu DWC. Vì vậy, để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi cổ đông trong thực hiện quyền giao dịch mua bán cổ phiếu, tiếp tục kính đề nghị Ban lãnh đạo chỉ đạo hoàn thiện công tác quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần và xử lý các vấn đề tài chính còn tồn đọng tại công ty.

2. Về công tác hoạt động điều hành Công ty:

Cơ bản Công ty và các thành viên HĐQT, BKS, BTGD, KTT của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Năm 2025, không xảy ra vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cổ đông, BKS không nhận được yêu cầu kiểm tra vi phạm hay các yêu cầu khác từ cổ đông. Vì vậy kiến nghị



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
Trụ sở: 339 Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

Tel: 0262.3852.619
Website:
<https://Dakwaco.com.vn>

HĐQT, BTGD, người điều hành khác tiếp tục tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty để triển khai phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Về một số nội dung khác:

- Công ty thực hiện đảm bảo về tình hình đời sống, việc làm và các chế độ phúc lợi cho người lao động như các chế độ lương, BHXH, khám sức khỏe định kỳ, trang bị bảo hộ lao động...đầy đủ theo đúng quy định pháp luật, quy chế nội quy của công ty.

Trên cơ sở kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT và BTGD, BKS kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua:

- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC.

Trên đây là báo cáo của BKS về kết quả hoạt động của BKS năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Đặng Uyên Đan



Số: 67/2026/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2025, cụ thể:

- Thời gian kiểm toán tài chính: từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025
- Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC

(Báo cáo tài chính được đính kèm).

Đồng thời Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh số liệu trên BCTC đã được kiểm toán cho năm tài chính 2025 theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, kiểm toán (Nếu có).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 68/2026/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025:

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện
1	Tổng doanh thu	Đồng	340.520.791.055
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	88.906.058.355
3	Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	Đồng	79.039.679.626
4	Cổ tức năm 2025 (1.500 đồng/cổ phần) *	Đồng	47.280.000.000
5	Tỷ lệ chia cổ tức trên lợi nhuận	%	59,82

- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt: 15% (Tương đương 1.500 đồng/cổ phần)

Riêng đối với cổ đông Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, số tiền cổ tức chi trả Công ty sẽ **tạm tính** trên số cổ phần cổ đông nhà nước đang nắm giữ, vì lý do tính đến thời điểm hiện tại Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần. Số tiền chi trả thực tế sẽ được điều chỉnh trong trường hợp tỷ lệ vốn của cổ đông Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại công ty có sự thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hoá tại thời điểm chuyển đổi.

- Phương thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt/chuyển khoản.
- Đối tượng nhận cổ tức: Các cổ đông hiện hữu có tên trong sổ cổ đông của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức.
- Thời gian thực hiện: Cổ tức năm 2025 sẽ được thực hiện chi trả theo đúng quy định pháp luật và chia làm 02 đợt:
 - + Đợt 1: 800 đồng/cổ phần.
 - + Đợt 2: 700 đồng/cổ phần.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 còn lại để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong trường hợp cần thiết do công ty vẫn đang còn khó khăn.

2. Triển khai thực hiện:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy toàn quyền cho Hội đồng quản trị quyết định hồ sơ giấy tờ, các công việc, thủ tục liên quan để triển khai thực hiện sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận được trình như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 69/2026/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc thông qua kế hoạch chi thù lao đối với HĐQT và BKS năm 2025.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua Tổng mức thù lao (bao gồm lương và thưởng) của HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch thù lao (bao gồm lương và thưởng) năm 2026 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng thù lao thực hiện năm 2025	Kế hoạch thù lao năm 2026	Ghi chú
01	Hội Đồng Quản Trị (5 TV)	1.878.381.407	2.000.000.000	
02	Ban kiểm soát (3 TV)	46.833.333	200.000.000	

(Tổng thù lao và thưởng của thành viên HĐQT, thành viên BKS được trình bày chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Đối với kế hoạch thù lao năm 2026 của HĐQT và BKS được xây dựng bằng kế hoạch thù lao năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 70/2026/TTr-HĐQT

Đăk Lăk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đăk Lăk

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát công ty về kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt tổ chức thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các quy định của pháp luật khác có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026 của Công ty, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn:

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện đối với tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
- Thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Tel: 0262.3852.619

Website: <https://Dakwaco.com.vn>

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

Trụ sở: 339 đường Tôn Đức Thắng, P. Tân An, tỉnh Đắk Lắk

2. Triển khai thực hiện:

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 phù hợp với tình hình thực tế trong năm, đáp ứng các tiêu chí trên và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 71/2026/BC-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Đắk Lắk.

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty thường niên năm 2024 ngày 24/04/2024 và Nghị quyết của HĐQT về phê duyệt chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan. Hội Đồng Quản Trị kính báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan năm 2025 cụ thể như sau:

1. Kết quả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Giá trị thực hiện trong năm 2025
1	- Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương - Địa chỉ: Số 154 Trần Hưng Đạo, Phố Bình Chương, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam - MST: 2700281328	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng thuê xe ô tô biển số 35C-05799 để phục vụ sản xuất kinh doanh	240.000.000
			Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	93.963.000
2	- Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu - Địa chỉ: TDP Kim 3, Phường Phụng Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Hợp đồng về việc mua bán các sản phẩm ngô ngọt để làm quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán 2025 cho CB-CNV	289.520.000



STT	Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Số Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua	Nội dung giao dịch	Giá trị thực hiện trong năm 2025
	- MST: 2400797168		Hợp đồng về việc mua bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	138.496.000
3	- Công ty CP Cà phê Thăng Lợi - Km 17 Quốc lộ 26, Xã Ea Knuéc, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam - MST: 6000182456	01/2024/NQ-ĐHĐCĐ	Bán sản phẩm nước đóng chai Kuroba - Dani	13.353.236

Ghi chú: Giá trị trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

2. Triển khai thực hiện:

Giao Hội Đồng Quản Trị tiếp tục phê duyệt triển khai thực hiện các công việc theo đúng chủ trương chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 72/2026/BC-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO

Về phê duyệt thực hiện việc huỷ tư cách công ty đại chúng

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk;

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, doanh nghiệp sẽ bị huỷ tư cách công ty đại chúng nếu không đáp ứng điều kiện "...có tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ". Vì vậy ngày 10/02/2026, Hội đồng quản trị công ty tổ chức họp để rà soát, đối chiếu xác định rõ tình trạng đáp ứng điều kiện công ty đại chúng của công ty. Cùng ngày, HĐQT ban hành Nghị quyết số 06/2026/NQ – HĐQT thông qua phê duyệt thực hiện huỷ tư cách công ty đại chúng do công ty không đáp ứng đủ điều kiện là công ty đại chúng theo quy định pháp luật.

Do đó, nhằm đảm bảo quyền của cổ đông công ty, HĐQT kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận đồng thời uỷ toàn quyền cho HĐQT thực hiện huỷ tư cách công ty đại chúng theo đúng quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, HĐQT;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hoàng Phúc

Số:/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày tháng 04 năm 2026

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk;
- Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số:/2026/BBH – ĐHĐCĐ ngày/04/2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Đắk Lắk.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 64/2026/BC-BTGD ngày 31/03/2026 của Ban Tổng Giám Đốc về báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo của Ban Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*), các chỉ tiêu cơ bản cụ thể:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	352,34	95,45
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,54	97,42
3	Nước ghi thu	Triệu m ³	20,67	21,65	95,43
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,20	89,78
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.375	106,6
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	58,15	152,9

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH 2026/ TH 2025
1	Doanh thu	Tỷ đồng	336,31	358,40	106,57
2	Nước sản xuất	Triệu m ³	24,88	25,33	101,81
3	Nước thương phẩm	Triệu m ³	20,67	21,51	104,06
4	Tỷ lệ nước thất thoát	%	16,93	15,08	112,27
5	Phát triển khách hàng	Hộ	5.730	5.782	100,91
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88,91	67,60	76,03

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 2. Thông qua Báo cáo số 65/2026/BC – HĐQT ngày 31/03/2026 về báo cáo quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 3. Thông qua Báo cáo số 66/2026/BC – BKS ngày 31/03/2026 về báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 (*Báo cáo đính kèm*):

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 67/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025

Đại hội biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 như được nêu trong tờ trình (*Báo cáo đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 68/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025

Đại hội biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 như được nêu trong tờ trình (*Tờ trình đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 69/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc thông qua tổng thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

Đại hội biểu quyết thông qua tổng thù lao tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm

soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như được nêu trong tờ trình (*Tờ trình đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 70/2026/TTr – HĐQT ngày 31/03/2026 về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung tờ trình về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026 (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 8. Thông qua Báo cáo số 71/2026/BC–HĐQT ngày 31/03/2026 về việc phê duyệt kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2025

Đại hội biểu quyết thông qua Báo cáo về việc phê duyệt kết quả thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa công ty và người có liên quan năm 2025 (*Báo cáo đính kèm*)

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 9. Thông qua Báo cáo số 72/2026/BC–HĐQT ngày 31/03/2026 về phê duyệt thực hiện việc huỷ tư cách công ty đại chúng.

Đại hội biểu quyết thông qua về thực hiện việc huỷ tư cách công ty đại chúng của công ty (*Văn bản đính kèm*).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành:% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày

Nghị quyết ĐHCĐ sẽ được công bố trên website Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 11. Trách nhiệm phổ biến quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết này

Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm phổ biến quán triệt, triển khai thực hiện và kiểm tra giám sát quá trình thực hiện theo tinh thần Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN, SGDCCKHN “để báo cáo”;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, Công ty được Phòng Quản lý Doanh nghiệp – Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 về việc thay đổi thông tin trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	
Ông Nguyễn Khắc Dân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13/01/2026
Bà Phạm Thị Linh	Thành viên	
Ông Trần Bảo Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13/01/2026

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Khắc Dân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025
Bà Hoàng Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/03/2025
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025
Ông Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Định	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Bà Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thu Huyền	Thành viên
Ông Lê Bản Khánh	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đỗ Hoàng Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng kỳ này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Cam kết về công bố thông tin

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2026



Số: 119/2026/BCKT-PB.00463

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2025 ở khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán còn tồn đọng một số công trình dở dang với tổng giá trị là 2.064.060.569 VND đã phát sinh từ các năm trước và không tiếp tục thực hiện trong năm hiện tại. Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này. Với các tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác và khả năng thu hồi của khoản mục này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần do các vấn đề xử lý các tồn tại tài chính còn vướng mắc. Giá trị khoản phải trả Nhà nước về cổ phần hóa đang được ghi nhận ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.497.465.174 VND. Tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan quản lý, các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được đối chiếu và xác nhận với các đối tượng phải thu, phải trả trong đó: phải thu khách hàng với số tiền là 4.030.199.208 VND, trả trước cho người bán với số tiền là 237.933.000 VND, phải thu khác với số tiền là 1.429.121.727 VND và phải trả người bán với số tiền là 496.904.992 VND. Theo đó chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính chính xác, tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các số dư này cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty đang theo dõi ở khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán khoản vay vốn Chính phủ Nhật Bản theo Quyết định số 882/QĐ-UB ngày 05/04/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đầu tư dự án Cấp nước Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'Gar với số tiền là 8.059.727.581 VND. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa xác định được đối tượng cho vay, thời hạn và lãi suất vay.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN XUÂN HÙNG

Phó Giám đốc chi nhánh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5701 - 2023 - 009 - 1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

VŨ GIANG NAM

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 5246 - 2026 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.899.862.741	239.581.871.102
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	260.688.950.389	140.183.205.072
1. Tiền	111		180.688.950.389	140.183.205.072
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.250.000.000	5.250.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.250.000.000	5.250.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.655.438.474	38.703.765.299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.675.582.541	9.449.124.361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.571.137.482	3.534.027.516
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	38.236.999.088	30.432.913.013
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(4.828.280.637)	(4.712.299.591)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	30.620.943.902	25.633.107.343
1. Hàng tồn kho	141		30.620.943.902	25.633.107.343
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		18.684.529.976	29.811.793.388
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.684.529.976	29.811.793.388
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		498.919.447.907	565.388.107.057
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		477.696.381.285	544.325.735.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	475.657.255.286	541.431.936.500
- Nguyên giá	222		1.201.173.218.823	1.170.772.380.440
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(725.515.963.537)	(629.340.443.940)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.039.125.999	2.893.798.807
- Nguyên giá	228		7.521.634.545	7.341.634.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.482.508.546)	(4.447.835.738)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		6.162.961.843	5.173.352.475
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	6.162.961.843	5.173.352.475
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		15.060.104.779	15.889.019.275
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	15.060.104.779	15.889.019.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		863.819.310.648	804.969.978.159

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		453.614.264.090	442.284.611.227
I/ Nợ ngắn hạn	310		119.747.977.249	90.270.739.581
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	5.460.184.150	7.215.090.266
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	655.098.661	240.876.695
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	13.572.121.109	5.299.429.564
4. Phải trả người lao động	314		7.779.551.646	8.716.126.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	5.698.349.954	2.764.862.657
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	26.567.951.657	13.366.641.279
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	56.347.590.928	49.007.602.982
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.667.129.144	3.660.109.144
II/ Nợ dài hạn	330		333.866.286.841	352.013.871.646
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.416.999.343	1.755.799.343
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	331.449.287.498	350.258.072.303
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		410.205.046.558	362.685.366.932
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	410.205.046.558	362.685.366.932
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		315.200.000.000	315.200.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.005.046.558	47.485.366.932
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.965.366.932	(3.477.877.468)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		79.039.679.626	50.963.244.400
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		863.819.310.648	804.969.978.159



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Thuý Hằng
Kế toán trưởng

Nông Bế Duy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	336.309.217.353	287.737.905.166
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		91.661.463	87.746.612
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		336.217.555.890	287.650.158.554
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	136.136.511.893	121.678.349.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.081.043.997	165.971.808.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	1.680.205.848	278.794.302
7. Chi phí tài chính	22	6.04	35.264.510.985	44.966.065.221
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.219.450.597	27.116.282.739
8. Chi phí bán hàng	25	6.05	48.787.008.938	46.006.015.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	30.218.056.542	23.573.840.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		87.491.673.380	51.704.681.933
11. Thu nhập khác	31	6.07	2.623.029.317	5.205.998.156
12. Chi phí khác	32	6.08	1.208.644.342	41.283.424
13. Lợi nhuận khác	40		1.414.384.975	5.164.714.732
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		88.906.058.355	56.869.396.665
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	9.866.378.729	5.906.152.265
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		79.039.679.626	50.963.244.400
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	2.508	1.617
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	2.508	1.617



Đỗ Hoàng Phúc
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đắk Lắk, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Thuý Hằng
Kế toán trưởng

Nông Bế Duy
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
 Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B03 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.906.058.355	56.869.396.665
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	97.210.192.405	91.053.785.592
- Các khoản dự phòng	03	115.981.046	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.045.060.388	16.721.712.330
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(688.075.286)	(325.157.938)
- Chi phí lãi vay	06	22.219.450.597	27.116.282.739
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	220.808.667.505	191.436.019.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(528.311.846)	54.742.056.453
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.987.836.559)	(3.947.739.420)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	3.647.323.258	(6.756.920.388)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	828.914.496	4.829.413.984
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.531.406.698)	(27.176.778.213)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(2.856.152.265)	(3.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	194.381.197.891	210.076.051.804
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.390.447.751)	(55.035.268.166)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	46.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(3.250.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	415.821.862	216.999.096
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(30.974.625.889)	(57.021.905.434)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	98.600.676.003	69.732.994.996
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(122.122.402.688)	(98.943.521.778)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.379.100.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(42.900.826.685)	(29.210.526.782)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	120.505.745.317	123.843.619.588
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	140.183.205.072	16.339.585.484
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	260.688.950.389	140.183.205.072



CHỦ TỊCH HĐQT
 Đỗ Hoàng Phúc

Nguyễn Thị Thuý Hằng
 Kế toán trưởng

Nông Bê Duy
 Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk được cổ phần hóa theo quyết định 3514/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Công ty hoạt động theo cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000175995 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Công ty nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 phê duyệt việc chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, Công ty được Phòng Quản lý Doanh nghiệp – Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 về việc thay đổi thông tin trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty là 315.200.000.000 VND (Ba trăm mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng).

Tổng số cổ phần: 31.520.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 339 đường Tôn Đức Thắng, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 6000175995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 304 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 299 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn là các chi phí phân bổ trong thời hạn 12 tháng bao gồm cả các chi phí hoạt động chờ phân bổ tương ứng doanh thu trong năm 2025.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê bao đồng hồ

Chi phí thuê bao đồng hồ được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo chu kỳ kiểm định là 5 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Quyền khai thác nước ngầm

Quyền khai thác nước ngầm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3-20 năm theo thời hạn được cấp quyền.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được

ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay dài hạn trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn vay bình quân cho hoạt động chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết và vốn vay bình quân chăm sóc cho vườn cây cao su khai thác.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/3/2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	105.838.599	45.095.619
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	180.583.111.790	140.138.109.453
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>180.583.111.790</i>	<i>140.138.109.453</i>
Các khoản tương đương tiền (i)	80.000.000.000	-
Cộng	<u>260.688.950.389</u>	<u>140.183.205.072</u>

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đắk Lắk.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	5.250.000.000	5.250.000.000	5.250.000.000	5.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.250.000.000	5.250.000.000	5.250.000.000	5.250.000.000
Cộng	<u>5.250.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 3 - 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đắk Lắk, lãi suất từ 4,5 - 4,7%/năm. Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được được cầm cố thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đắk Lắk.

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	9.116.665.566	(3.340.740.538)	9.165.745.955	(3.224.759.492)
Khách hàng cung cấp nước sạch	2.649.313.713	(1.417.342.638)	2.681.678.302	(1.301.361.592)
Khách hàng cung cấp dịch vụ	6.467.351.853	(1.923.397.900)	6.484.067.653	(1.923.397.900)
Khách hàng nước đóng chai	558.916.975	-	283.378.406	-
Cộng	<u>9.675.582.541</u>	<u>(3.340.740.538)</u>	<u>9.449.124.361</u>	<u>(3.224.759.492)</u>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước các bên liên quan	-	-	-	-
Trả trước các khách hàng khác	6.571.137.482	-	3.534.027.516	-
Công ty Cổ phần Thiết bị CN và công nghệ môi trường Dea Han	1.168.640.000	-	-	-
Công Ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Chuyên Ngành	-	-	421.190.000	-
Công ty TNHH Cung cấp TB điện và XDCN Việt Nam	855.011.366	-	987.897.600	-
Công ty TNHH SX - TMDV Hồng An	977.500.000	-	-	-
Công ty cổ phần Môi trường ETC Việt Nam	1.470.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư phát triển Lộc An Phát VINA	-	-	1.269.702.000	-
Các đối tượng khác	2.099.986.116	-	855.237.916	-
Cộng	6.571.137.482	-	3.534.027.516	-

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ban QLDA Cấp nước tỉnh Đắk Lắk	34.728.608.732	-	27.133.792.311	-
Phải thu CBCNV	152.959.996	-	217.246.000	-
Phải thu khác	3.355.430.360	(1.487.540.099)	3.081.874.702	(1.487.540.099)
Cộng	38.236.999.088	(1.487.540.099)	30.432.913.013	(1.487.540.099)

(i): Phản ánh khoản tiền vay giải ngân cho Ban quản lý dự án cấp nước tỉnh Đắk Lắk (Ban QLDA) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước Thành phố Buôn Ma Thuột và 3 thị trấn: thị trấn Ea Kar, thị trấn Krông Năng và thị trấn Buôn Đôn tỉnh Đắk Lắk theo Hiệp định vay số 2961 ngày 4/5/2013 ký giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á, theo hợp đồng vay phụ số LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk và hợp đồng vay số 25/2018/HĐTD ngày 20/12/2018 ký giữa Công ty và Quỹ Đầu tư phát triển Đắk Lắk (xem thuyết minh số 5.17).

Ban QLDA được thành lập theo Quyết định số 866/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 9/5/2013 để thực hiện Dự án nói trên, có con dấu riêng, tài khoản riêng và hạch toán độc lập với Công ty. Khi có các hạng mục công trình thuộc dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty sẽ nhận bàn giao từ Ban QLDA và ghi tăng tài sản cố định, thuế GTGT được khấu trừ, đồng thời ghi giảm các khoản phải thu khác với số tiền tương ứng.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.431.803.909	-	22.611.455.527	-
Công cụ, dụng cụ	449.405.500	-	243.833.114	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.095.102.089	-	2.142.071.529	-
Thành phẩm	644.632.404	-	635.747.173	-
Cộng	30.620.943.902	-	25.633.107.343	-

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.660.853.250	14.104.402.355
Chi phí cải tạo, sửa chữa	2.122.539.798	1.405.595.756
Các khoản khác	276.711.731	379.021.164
Cộng	15.060.104.779	15.889.019.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK
Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

5.8.1 Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	T/g quá hạn	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	T/g quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Phải thu khách hàng	3.340.740.538	-		3.224.759.492	-	
Trung tâm PT Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk	219.584.000	-	>3 năm	219.584.000	-	>3 năm
UB nhân dân xã Hòa Thắng	270.012.900	-	>3 năm	270.012.900	-	>3 năm
Ban QLDA huyện Ea Kar	774.660.000	-	>3 năm	774.660.000	-	>3 năm
Ban quản lý dự án huyện M'Đrak	378.830.000	-	>3 năm	378.830.000	-	>3 năm
Phòng kinh tế huyện Cư Mgar	280.311.000	-	>3 năm	280.311.000	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2010 trở đi)	1.254.889.908	-	>3 năm	1.138.908.862	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2006 -> 2010)	92.017.850	-	>3 năm	92.017.850	-	>3 năm
Nợ khó đòi (tiền nước từ 2000 -> 2006)	70.434.880	-	>3 năm	70.434.880	-	>3 năm
Phải thu khác	1.487.540.099	-		1.487.540.099	-	
Ông Nguyễn Viết Thanh	1.487.540.099	-	>3 năm	1.487.540.099	-	>3 năm
Cộng	4.828.280.637	-		4.712.299.591	-	

5.8.2 Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	4.712.299.591	-	4.712.299.591
Trích lập dự phòng bổ sung	115.981.046	-	115.981.046
Tại ngày 31/12/2025	4.828.280.637	-	4.828.280.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	139.618.571.061	151.352.864.694	879.074.761.685	726.183.000	1.170.772.380.440
Mua trong năm	-	16.744.601.898	-	135.145.454	16.879.747.352
Đầu tư XD CB hoàn thành	3.219.078.233	-	10.302.012.798	-	13.521.091.031
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	<u>142.837.649.294</u>	<u>168.097.466.592</u>	<u>889.376.774.483</u>	<u>861.328.454</u>	<u>1.201.173.218.823</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Tại ngày 01/01/2025	86.961.143.608	90.449.593.115	451.203.524.217	726.183.000	629.340.443.940
Khấu hao trong năm	8.117.358.960	20.503.077.793	67.531.310.564	23.772.280	96.175.519.597
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	<u>95.078.502.568</u>	<u>110.952.670.908</u>	<u>518.734.834.781</u>	<u>749.955.280</u>	<u>725.515.963.537</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	<u>52.657.427.453</u>	<u>60.903.271.579</u>	<u>427.871.237.468</u>	-	<u>541.431.936.500</u>
Tại ngày 31/12/2025	<u>47.759.146.726</u>	<u>57.144.795.684</u>	<u>370.641.939.702</u>	<u>111.373.174</u>	<u>475.657.255.286</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:					
- Tại ngày 01/01/2025	43.043.650.267	20.293.138.168	72.064.034.845	726.183.000	136.127.006.280
- Tại ngày 31/12/2025	<u>59.564.985.361</u>	<u>22.456.978.648</u>	<u>142.581.450.880</u>	<u>726.183.000</u>	<u>225.329.597.889</u>

5.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	3.726.370.000	3.615.264.545	7.341.634.545
Mua trong năm	180.000.000	-	180.000.000
Tại ngày 31/12/2025	<u>3.906.370.000</u>	<u>3.615.264.545</u>	<u>7.521.634.545</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại ngày 01/01/2025	2.068.350.952	2.379.484.786	4.447.835.738
Khấu hao trong năm	548.525.412	486.147.396	1.034.672.808
Tại ngày 31/12/2025	<u>2.616.876.364</u>	<u>2.865.632.182</u>	<u>5.482.508.546</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	1.658.019.048	1.235.779.759	2.893.798.807
Tại ngày 31/12/2025	<u>1.289.493.636</u>	<u>749.632.363</u>	<u>2.039.125.999</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
- Tại ngày 01/01/2025	413.240.000	519.225.454	932.465.454
- Tại ngày 31/12/2025	<u>413.240.000</u>	<u>519.225.454</u>	<u>932.465.454</u>

5.11 Chi phí XDCB dở dang

	01/01/2025	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Dự án Cấp nước 3 Huyện (EaKar - Buôn đôn - Krông Lấp đặt T.Ô.CNSH HDPE D160+90+63 QL26 đoạn từ Km101+200 đến Km102+590, Xã EaKar, Đắk Lắk	1.204.830.684	-	-	1.204.830.684
Cải tạo thay thế ống PVC 42+60 = ống HDPE 63 đg Ông I.Khiêm.....N.H.Thọ (đoạn từ T.Q,Thảo đến P.N.Thạch), P.Tân An, Đắk Lắk	-	1.272.027.866	-	1.272.027.866
- Di dời sửa chữa đường ống CN Phan Huy Chú (từ km1+390-km1+600)và(km2+339-km3+754), TP. BMT	2.283.730.380	363.696.415	2.647.426.795	-
- Công trình khác	1.684.791.411	20.180.834.514	19.071.620.443	2.794.005.482
Cộng	<u>5.173.352.475</u>	<u>22.708.656.606</u>	<u>21.719.047.238</u>	<u>6.162.961.843</u>

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	5.460.184.150	5.460.184.150	7.215.090.266	7.215.090.266
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	-	-	1.661.709.999	1.661.709.999
Ban quản lý công trình vốn khấu hao	-	-	1.558.001.433	1.558.001.433
Công ty TNHH đầu tư và xuất nhập khẩu Hưng Thịnh	1.231.632.947	1.231.632.947	-	-
Điện lực Bắc Buôn Ma Thuột	751.719.559	751.719.559	747.584.645	747.584.645
Các đối tượng khác	3.476.831.644	3.476.831.644	3.247.794.189	3.247.794.189
Cộng	5.460.184.150	5.460.184.150	7.215.090.266	7.215.090.266

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước khác	655.098.661	655.098.661	240.876.695	240.876.695
Công ty TNHH Đầu Tư Công Nghệ SeaGol	102.910.000	102.910.000	102.910.000	102.910.000
Trường đại học Tây Nguyên	175.619.386	175.619.386	-	-
Các đối tượng khác	376.569.275	376.569.275	137.966.695	137.966.695
Cộng	655.098.661	655.098.661	240.876.695	240.876.695

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.856.152.265	9.866.378.729	2.856.152.265	-	9.866.378.729
Thuế thu nhập cá nhân	-	18.271.922	1.393.132.102	364.427.168	-	1.046.976.856
Thuế tài nguyên	-	229.928.940	2.653.308.360	2.670.070.080	-	213.167.220
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	75.396.149	75.396.149	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.195.076.437	29.071.934.377	28.821.412.510	-	2.445.598.304
Cộng	-	5.299.429.564	43.071.149.717	34.798.458.172	-	13.572.121.109

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.664.326.425	1.976.282.526
Trích trước tiền thưởng	1.800.000.000	-
Chi phí phải trả khác	2.234.023.529	788.580.131
Cộng	5.698.349.954	2.764.862.657

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	27.268.414	27.268.414	24.952.158	24.952.158
Phí thoát nước phải trả	-	-	1.305.504.295	1.305.504.295
Tín dụng chuyên ngành Hiệp định VN X- 3	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581	8.059.727.581
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174	2.497.465.174
Phải trả cổ tức	12.140.900.000	12.140.900.000	-	-
Phải trả khác	3.842.590.488	3.842.590.488	1.478.992.071	1.478.992.071
Cộng	26.567.951.657	26.567.951.657	13.366.641.279	13.366.641.279

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	2.416.999.343	2.416.999.343	1.755.799.343	1.755.799.343
Cộng	2.416.999.343	2.416.999.343	1.755.799.343	1.755.799.343

(i): là các khoản ký quỹ của các khách hàng sử dụng nước sạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

5.17 Vay và nợ thuê tài chính**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2025		Trong năm			01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1>Vay ngắn hạn	26.215.837.639	26.215.837.639	98.600.676.003	92.204.268.760	-	19.819.430.396	19.819.430.396
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk (i)	26.215.837.639	26.215.837.639	98.600.676.003	92.204.268.760	-	19.819.430.396	19.819.430.396
2> Vay dài hạn đến hạn trả	30.131.753.289	30.131.753.289	31.853.845.193	29.918.133.928	-	29.188.172.586	29.188.172.586
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	30.131.753.289	30.131.753.289	31.853.845.193	29.918.133.928	(992.130.562)	29.188.172.586	29.188.172.586
Cộng	56.347.590.928	56.347.590.928	130.454.521.196	122.122.402.688	(992.130.562)	49.007.602.982	49.007.602.982

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025		Trong năm			01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1> Vay dài hạn	331.449.287.498	331.449.287.498	-	31.853.845.193		350.258.072.303	350.258.072.303
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	331.449.287.498	331.449.287.498	-	31.853.845.193	13.045.060.388	350.258.072.303	350.258.072.303
Cộng	331.449.287.498	331.449.287.498	-	31.853.845.193	13.045.060.388	350.258.072.303	350.258.072.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

Thông tin thuyết minh bổ sung cho các vay và nợ thuê tài chính:

Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc tại 31/12/2025	Dư nợ đến hạn trả trong 12 tháng	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
NGẮN HẠN							
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đắk Lắk (i)							
Hợp đồng số 293619.25.340.650519.TD ngày 21/04/2025	Theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 12 tháng	Lãi suất ưu đãi trong 5 tháng từ ngày giải ngân là 6%/năm, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tham chiếu + biên độ 1,11%/năm	35 tỷ VND	26.215.837.639		Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp nước sạch	- Tài sản đảm bảo cho khoản vay này theo Hợp đồng hạn mức và các văn kiện sửa đổi là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đắk Lắk
DÀI HẠN							
Khoản vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)							
LOAN NO.2916-VIE vay vốn OCR của ADB ngày 17/4/2014	25 năm	LIBOR (USD 6 tháng) + mức chênh lệch 0,4%/năm + phí niên hạn 0,1%/năm + phí cho vay lại 0 25%/năm	24.590.000 USD	13.708.194,29 USD	1.142.349,52 USD	Thực hiện dự án cấp nước TP Buôn Ma Thuột và 3 huyện (Krông Năng, Ea Kar, Buôn Đôn)	- Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay
				tiền đổi VND: 361.581.040.787	30.131.753.289		
Cộng				387.796.878.426	30.131.753.289		

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2024	315.200.000.000	(3.477.877.468)	311.722.122.532
Lãi trong năm trước		50.963.244.400	50.963.244.400
Số dư tại 31/12/2024	315.200.000.000	47.485.366.932	362.685.366.932
Số dư tại 01/01/2025	315.200.000.000	47.485.366.932	362.685.366.932
Lãi trong năm nay	-	79.039.679.626	79.039.679.626
Chia cổ tức (i)	-	(31.520.000.000)	(31.520.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	315.200.000.000	95.005.046.558	410.205.046.558

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	113.472.000.000	36,00%	113.472.000.000	36,00%
Phạm Thị Linh	78.181.000.000	24,80%	78.181.000.000	24,80%
Đỗ Hoàng Phúc	50.000.000.000	15,86%	50.000.000.000	15,86%
Đỗ Hoàng Phương	58.352.000.000	18,51%	58.352.000.000	18,51%
Cổ đông khác	15.195.000.000	4,82%	15.195.000.000	4,82%
Cộng	315.200.000.000	100%	315.200.000.000	100%

5.18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	315.200.000.000	315.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	315.200.000.000	315.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	31.520.000.000	-

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.520.000	31.520.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu phổ thông	31.520.000	31.520.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu cung cấp nước sạch	301.901.072.826	262.923.924.771
Doanh thu hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	29.332.400.888	23.085.339.788
Doanh thu sản xuất kinh doanh nước đóng chai	5.075.743.639	1.728.640.607
Cộng	336.309.217.353	287.737.905.166

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	105.431.776.725	101.030.847.391
Giá vốn hoạt động ống nhánh và cung cấp dịch vụ	19.973.710.227	15.924.747.693
Giá vốn sản xuất kinh doanh nước đóng chai	10.731.024.941	4.722.754.906
Cộng	136.136.511.893	121.678.349.990

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	688.075.286	278.794.302
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	992.130.562	-
Cộng	1.680.205.848	278.794.302

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.219.450.597	27.116.282.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.128.070.152
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.045.060.388	16.721.712.330
Cộng	35.264.510.985	44.966.065.221

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.658.164.668	4.508.477.275
Chi phí vật liệu, bao bì	28.781.656	54.871.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.370.690.308	39.695.971.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.404.527	252.175.322
Chi phí bằng tiền khác	2.313.967.779	1.494.520.304
Cộng	48.787.008.938	46.006.015.383

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.357.888.169	13.172.076.534
Chi phí vật liệu quản lý	930.600.035	433.060.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.372.213.056	4.345.946.388
Thuế, phí và lệ phí	11.000.000	11.000.000
Chi phí dự phòng	115.981.046	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.521.666.578	1.728.116.429
Chi phí bằng tiền khác	2.908.707.658	3.883.640.811
Cộng	30.218.056.542	23.573.840.329

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	46.363.636
Tiền phạt thu được	39.583.508	55.721.788
Phí bảo vệ môi trường nước được giữ lại	2.408.827.819	-
Các khoản khác	174.617.990	5.103.912.732
Cộng	2.623.029.317	5.205.998.156

6.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản phạt chậm thanh toán	800.000.000	-
Các khoản khác	408.644.342	41.283.424
Cộng	1.208.644.342	41.283.424

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.906.058.355	56.869.396.665
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	600.246.174	52.389.769
Các khoản điều chỉnh tăng	600.246.174	52.389.769
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	600.246.174	52.389.769
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(2.549.249.946)
Thu nhập tính thuế TNDN	89.506.304.529	54.372.536.488
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%</i>	<i>80.348.821.762</i>	<i>49.683.550.330</i>
<i>Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%</i>	<i>9.157.482.767</i>	<i>4.688.986.158</i>
Thuế TNDN	9.866.378.729	5.906.152.265
Thuế TNDN tính theo thuế suất 10%	8.034.882.176	4.968.355.033
Thuế TNDN tính theo thuế suất 20%	1.831.496.553	937.797.232
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.866.378.729	5.906.152.265
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.866.378.729	5.906.152.265

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	79.039.679.626	50.963.244.400
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	79.039.679.626	50.963.244.400
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.520.000	31.520.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.508	1.617

6.11 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	79.039.679.626	50.963.244.400
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	79.039.679.626	50.963.244.400
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.520.000	31.520.000
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.508	1.617

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	56.474.598.445	46.634.683.538
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	48.175.038.356	40.891.488.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.210.192.405	91.053.785.592
Thuế, phí, lệ phí	11.000.000	11.000.000
Chi phí dự phòng	115.981.046	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.689.872.957	3.752.338.208
Chi phí khác bằng tiền	8.572.393.847	9.597.626.474
Cộng	215.249.077.056	191.940.922.315

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	98.600.676.003	69.732.994.996
Cộng	98.600.676.003	69.732.994.996

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	122.122.402.688	98.943.521.778
Cộng	122.122.402.688	98.943.521.778

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty. Các loại công cụ tài chính của Công ty:

	31/12/2025		Giá trị ghi số 01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	260.688.950.389	-	140.183.205.072	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.912.581.629	(4.828.280.637)	39.882.037.374	(4.712.299.591)
Đầu tư tài chính	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Cộng	313.851.532.018	(4.828.280.637)	185.315.242.446	(4.712.299.591)

	31/12/2025		Giá trị ghi số 01/01/2025	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	387.796.878.426		399.265.675.285	
Phải trả người bán và phải trả khác	34.445.135.150		22.337.530.888	
Chi phí phải trả	5.698.349.954		2.764.862.657	
Cộng	427.940.363.530		424.368.068.830	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐẮK LẮK

Số 339 đường Tôn Đức Thắng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B09 - DN

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	260.688.950.389	-	-	260.688.950.389
Phải thu khách hàng và phải thu khác	43.084.300.992	-	-	43.084.300.992
Đầu tư tài chính	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000
Cộng	309.023.251.381	-	-	309.023.251.381
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.183.205.072	-	-	140.183.205.072
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.169.737.783	-	-	35.169.737.783
Đầu tư tài chính	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000
Cộng	180.602.942.855	-	-	180.602.942.855

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	56.347.590.928	331.449.287.498	-	387.796.878.426
Phải trả người bán và phải trả khác	32.028.135.807	2.416.999.343	-	34.445.135.150
Chi phí phải trả	5.698.349.954	-	-	5.698.349.954
Cộng	94.074.076.689	333.866.286.841	-	427.940.363.530
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	49.007.602.982	350.258.072.303	-	399.265.675.285
Phải trả người bán và phải trả khác	20.581.731.545	1.755.799.343	-	22.337.530.888
Chi phí phải trả	2.764.862.657	-	-	2.764.862.657
Cộng	72.354.197.184	352.013.871.646	-	424.368.068.830

Ban Tổng Giám đốc cam kết Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết để thanh toán các khoản nợ đến hạn trả.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		Lương, thưởng, thù lao	Lương, thưởng, thù lao
Đỗ Hoàng Phúc	Chủ tịch HĐQT	732.774.927	447.761.103
Đỗ Hoàng Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	437.000.000	172.000.000
Nguyễn Công Định	Thành viên HĐQT - Phó TGD	501.556.213	456.929.708
Nguyễn Khắc Dân	Thành viên HĐQT - TGD (miễn nhiệm TGD từ 15/3/2025)	414.678.773	506.281.937
Phạm Thị Linh	Thành viên HĐQT	407.000.000	32.000.000
Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	534.753.930	472.846.375
Hoàng Thị Thu Hà	Tổng Giám đốc (từ ngày 15/03/2025)	596.652.172	456.929.708
Lê Đặng Uyên Đan	Trưởng Ban kiểm soát	46.833.333	32.916.667
Lê Bản Khánh	Thành viên BKS	-	203.358.322
Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	338.104.618	297.604.166
Cộng		4.009.353.966	3.078.627.986

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm các công ty, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch (Chưa VAT)	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và TM Nam Phương	Công ty có thành viên HĐQT là Giám đốc	Bán nước đóng chai	93.963.000	124.042.724
		Thuê xe ô tô	240.000.000	240.000.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu thực phẩm Toàn Cầu	Công ty có thành viên HĐQT là Giám đốc	Bán nước đóng chai	138.496.000	-
		Mua hàng hoá	289.520.000	170.625.000
Công ty CP Cà phê Thăng Lợi	Công ty có thành viên HĐQT sở hữu phần cổ phần trên 10% vốn điều lệ	Bán nước đóng chai	13.353.236	10.379.402
		Mua hàng hoá	-	15.200.000

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày

20/03/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

Do đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa được quyết toán chi phí cổ phần hóa và xác định giá trị phần vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Vì vậy, số liệu đầu năm có thể thay đổi sau khi Công ty được Cơ quan quản lý phê duyệt chính thức.

9.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



CHỦ TỊCH HĐQT
Đỗ Hoàng Phúc

Nguyễn Thị Thuý Hằng
Kế toán trưởng

Nông Bê Duy
Người lập biểu

Ngày 25 tháng 03 năm 2026